

VỀ MỘT SỐ THÁCH THỨC TRONG NGHIÊN CỨU TRIẾT HỌC HIỆN NAY

HỒ BÁ THÂM^(*)

Loại vấn đề 1 liên quan tới bản chất, cội nguồn ý thức và nhận thức dưới ánh sáng khoa học hiện đại

Thách thức thứ nhất là, với tiến bộ của khoa học công nghệ, nhất là lĩnh vực vật lý hạ nguyên tử (vật lý lượng tử) làm rõ bản chất sóng - hạt, lĩnh vực khoa học tin học và thông tin, khoa học gen, cũng như nghiên cứu về lĩnh vực năng lượng - trường sinh học, trường sống, tâm linh,... đang cần làm rõ hơn những lý giải về nguyên lý phản ánh, sáng tạo và bản chất ý thức của con người và ý thức hay tiền ý thức, gần như ý thức, tâm thức của vũ trụ.

Đó cũng là vấn đề ý thức với linh hồn, luân hồi, hồn vong,... Liệu có đảo lộn nguyên lý về ý thức hay không? Ý thức có tính vật chất hay không?

Ta biết rằng thế giới tự nhiên hay vô số vũ trụ là vừa vô hình vừa hữu hình. Ý thức con người là hình ảnh của sự phản ánh vật chất lên não người, nó là cái có sau. Nhưng ý thức không phải là vật chất theo nghĩa là vật thể, nó là quá trình sóng - hạt, là trường sống, là cái vô hình. Cái vô hình này thì mọi dạng vật chất/vật thể đều có, kể cả óc người. Nhưng khi K. Marx nói, ý thức là cái vật chất di chuyển vào óc người và

cải biến trong đó, tức là hình ảnh của sự vật, hình ảnh vô hình, nó có tính vật chất (vô hình). Ý thức là hình thức cao nhất của đặc tính phản ánh - thông tin gắn với năng lượng – trường sống của quá trình tiến hóa tự nhiên (năng lượng vũ trụ = Đấng Thượng Thiên^(**)), nó là

^(*) TS., NCV. cao cấp.

^(**) “Nếu tiếp tục khám phá thế giới bằng phương pháp nghiên cứu vi mô, theo kiểu cắt nhỏ sự vật để nghiên cứu thì khoa học sẽ phải tiếp cận đến khái niệm “vật thể không trọng lượng”. Vì rằng: cho là vật thể siêu nhẹ như phân tử Thượng đế (the God element) mà mới đây các khoa học gia vật lý lượng tử công bố, thì nó vẫn còn trọng lượng, chứ còn phân tử Thượng đế thực thì phải là không có trọng lượng, mới được coi là nhỏ nhất chứ. Đây là điểm mấu chốt để thay đổi tư duy khoa học mới” (1); “Theo một số nhà thần thi, cấu trúc đầy đủ của con người đúng là giống như một mô hình thu nhỏ của vũ trụ tổng thể. Thật vậy, ngoài thể xác ứng với chiều vật lý, con người còn có hệ thống các cơ thể năng lượng ứng với các chiều phi vật lý. Cùng sự liên hệ với các chiều vũ trụ, tổ hợp các luân xa con người cũng có vai trò làm cầu nối các cơ thể với nhau. Tâm thức hay “linh hồn” chính là phần cốt lõi và tinh túy nhất của mỗi người, nó có tác động quyết định đến hệ thống các cơ thể và qua đó điều khiển mọi hoạt động ý thức và vô thức của một cá nhân. Như vậy, con người là một sinh thể liên chiều hoàn hảo... Phẩm chất đặc trưng của tâm thức (“linh hồn”) là nhận biết (quan sát, chứng kiến). Nó là một phần của tâm thức vũ trụ - lớp năng lượng thuần khiết nhất mà các nhà tâm linh coi là tồn tại vĩnh hằng. Minh triết của những người đã trở thành vị Phật cho biết rằng: thể xác và hệ thống

đặc tính của não người, đặc tính “tinh thần”, nhưng là đặc tính *có tính vật chất* theo nghĩa vô hình ấy. Tư duy theo Engels, ý thức, tư duy là quá trình có tính lý - hóa - sinh (điện trường). Cố nhiên, nó là sản phẩm của xã hội, thông qua hoạt động thực tiễn mà có được, nên nó có tính/bản chất xã hội, là sản phẩm xã hội. Do vậy, ý thức (cả tri thức và cảm xúc, ý chí và tình cảm) mới tác động trở lại xã hội và thế giới vật chất được. Nó cũng vì vậy là/bị hiệu ứng vũ trụ, phụ thuộc vào cả hiệu ứng vũ trụ. Thế giới vật chất (cả vô hình và hữu hình, không nên theo nghĩa cổ điển, vật chất chỉ là vật thể hữu hình) là duy nhất, ngoài ra không có gì khác. Chỉ hiểu vật chất theo nghĩa hữu hình, nên người ta nói hoạt động của năng lượng điện trường là lĩnh vực phi vật chất (thực ra nó là một dạng vật chất). Não người không có một đặc tính tương đương với thế giới thì không thể phản ánh được nó vào óc người. Vật chất và ý thức vừa đồng nhất vừa khác biệt trước hết là theo nghĩa đó. Phải chăng vấn đề là như vậy, còn lý giải kiểu cũ về ý thức là chưa đủ rõ, thậm chí thần bí (ý thức hoàn toàn không có tính vật chất? vậy thì cái không có tính vật chất mới sinh ra ý thức được?).

Thách thức thứ hai: Phải chăng có Đấng tạo hóa sáng tạo nên vũ trụ? Thế giới không có cái ngẫu nhiên, thế giới chỉ là tất định? Sự xuất hiện loài người không liên quan gì đến thuyết tiến hóa (chỉ do Đấng tối cao thí nghiệm)^(*). Ngày

các cơ thể năng lượng của một cá nhân có thể bị phá hủy hoàn toàn, nhưng phẩm chất nhận biết hoặc tâm thức tương ứng thì vẫn tồn tại. Đó là điều vô cùng khó tin đối với người thường” (2).

(*) Xem thêm: “Giới thiệu tác phẩm Giọt nước mắt của Đấng tạo hóa và lập thuyết vũ trụ” (3).

nay, nhiều người, kể cả nhà khoa học vẫn tin có Đấng tạo hóa tối cao, nhất là khi phân tích về thế giới vô hình, huyền bí vũ trụ (như tính đối xứng - cân đối, tính phản diện, tính cân bằng, tính tương tác - tương sinh, tính chuyển hóa, tính chu kỳ, tính phản ứng/nhận biết, tính tự điều chỉnh/tự động,... như do ai đó sắp đặt)^(*). Ta biết ngay Phật giáo cũng không chấp nhận Đấng tạo hóa tối cao.

Thật ra không thể lấy hình ảnh loài người hữu hạn và cách suy nghĩ của con người để suy ra vũ trụ và quy luật vũ trụ vô hạn. Thật ra không có Đấng tối cao hay Thượng đế như một ông Thánh sinh ra vũ trụ và con người. Đấng tối cao hay Thượng đế ở đây là chỉ các quy luật vũ trụ tự nó, đặc biệt trong thế giới vô hình. Cái vô hình sinh ra cái hữu hình. “Ý thức vũ trụ” là quá trình hoạt động của các năng lực phản ánh - thông tin - năng lượng - trường - sóng hạt (trong đó vi diệu là dạng năng lượng sống). Năng lực ấy và thế giới vũ trụ tự quy luật của nó (quá trình tương tác tương sinh - tương khắc - tương thành), nhất là dạng năng lực vô hình (vật chất tối/sáng), bí huyền ấy chính là Đấng tối cao hay Thượng đế, hay “ý niệm tuyệt đối” mà thôi^(**).

(*) Theo George Washington: “Thượng đế là một lực lượng siêu nhiên, siêu hình chi phối đời sống con người. Vận mệnh (thời vận, số mệnh) là một lực lượng không sao có thể cưỡng lại được dù con người có cố gắng bao nhiêu đi chăng nữa”. Johann Wolfgang Von Goethe cho rằng: “Thế giới được sắp xếp một cách thần bí sao cho mỗi chúng ta, tại vị trí và thời gian của mình, cân bằng với mọi thứ khác”. Lê Văn Tuấn cũng phân tích theo hướng có Đấng tối cao, nhưng nói rõ nó là cái gì, nên nó vẫn là Chúa Trời trong ý niệm Thiên Chúa giáo.

(**) “Trong một số luận thuyết tâm linh, người ta thường dùng các tên gọi khác sau đây để chỉ lớp

Năng lực vô thức, năng lực trực giác ở con người có nguồn gốc vũ trụ tương đồng, tuy nội dung ý thức (ở con người) là khác về nội dung thông tin và phương thức tiến hóa qua văn hóa (tri thức, trí tuệ, thông thái, cảm xúc và siêu thức). Cho nên các nhà vật lý hiện nay thường hay nói đến ý thức/tâm thức vũ trụ là theo nghĩa năng lực vô hình ấy. Và ý thức con người vẫn là cái có sau và bị quyết định nhưng lại có nguồn gốc vũ trụ chứ không chỉ nguồn gốc xã hội.

Từ đây có thể nói, vấn đề thiên định, vấn đề luân hồi, hồn vong có thể giải thích theo hướng đó. Ngày nay khi ta quan sát hiện tượng vô tuyến truyền thanh truyền hình, khả năng đọc suy nghĩ người khác, hay hoạt động trong lĩnh vực máy tính, vi tính ta càng có cơ sở để hiểu như vậy. Không phải có ai đó là Đấng tối cao hay Thượng đế lập trình ra vũ trụ mà chính nguyên lý Mẹ về các năng lực với các quy luật của nó “lập trình” nên.

Trước vụ nổ Big Bang^(*) thì vũ trụ

vật chất đặc biệt nói trên: Tâm thức vũ trụ, Đại dương tâm thức, Đại dương năng lượng sống, Cõi thiêng liêng, Cõi lặng, Đạo, Cái đó, v.v... Theo các đại sư, cách duy nhất để nhận biết lớp tâm thức là mỗi người phải tự mình trải nghiệm theo một cách đặc biệt nào đó, chẳng hạn như thiền định hay xuất thần” (2).

(*) Big Bang là mô hình tốt nhất hiện nay, nhưng tất nhiên nó vẫn còn nhiều vấn đề, bao gồm điểm kì dị và sự khởi đầu tối hậu. Vật lý luôn tránh các điểm kì dị, nơi một đại lượng nào đó đạt giá trị vô cùng – điều chỉ có trong thế giới toán học trừu tượng. Big Bang chính là điểm kì dị như vậy và đó là điều cần tránh. Rồi Big Bang sinh ra vũ trụ, vậy cái gì sinh Big Bang? Không lạ khi nhà thờ rất hoan nghênh mô hình, vì xem Big Bang là hiện thân của Đấng sáng tạo,... Nhiều người giả định các vũ trụ song song hay đa vũ trụ (multiverse), mỗi vũ trụ có hệ quy luật riêng. Hãy nhớ lại các màng va chạm, không chỉ hai mà có thể nhiều hơn. Hoặc hình dung trò thổi bong bóng xà phòng, mỗi bong bóng là một đơn vũ trụ. Các bong bóng có thể nối với nhau bằng các lỗ

(cụ thể) ở một dạng khác, chứ không phải trước đó là Đấng tối cao hay Thượng đế. Đấng tối cao hay Thượng đế, như thế, thực chất là một dạng vật chất bí ẩn (khi ta chưa biết rõ) có tính cội nguồn mà thôi.

Sau khi con người chết về mặt thể xác (hữu hình) thì cái vô hình, năng lượng sống và năng lực thông tin nào đó thoát ra ngoài. Nó chỉ hoạt động, tư duy nhờ thể xác mới là một dạng của con người. Chính hoạt động thể xác ấy vừa sinh ra năng lượng và thông tin, duy trì nó và đồng thời nó (trạm) thu phát thông tin vũ trụ. Nhưng khi thể xác không sống nữa, trạm ấy biến mất, thì nó thoát ra, tan vào vũ trụ (có thể mang theo thông tin), trú ngụ đâu đó, khi gặp lại dạng sống hay con người thì nó cộng hưởng, phát huy tác dụng. Nó có lưu thông tin cũ, sóng tàn dư (biết về quá khứ ở mức tối thiểu). Còn nếu nó nói về hiện tại hay tương lai là do cộng hưởng với bộ não sống. Và qua đó não sống lại, tiếp cận (đọc) được với cái đầu người đang sống (người thân hay có quen biết trước đó) mà lĩnh vực vô hình phi không gian, thời gian. Nên có thể biết tương lai nào đó (kể cả dự báo ngẫu nhiên của não sống ở ai đó).

Bản chất sự sống là quá trình năng lượng - thông tin đặc biệt, “có ý thức”.

sâu đục (wormhole). Theo Thuyết tương đối tổng quát, chúng là đường tắt nối các vùng không thời gian trong một bong bóng, thậm chí nối các bong bóng vũ trụ với nhau. Chúng cho phép năng lượng phun trào giữa các bong bóng. Có thể hình dung một sự phun trào như thế chính là Big Bang đã sinh ra vũ trụ mà ta đang sống. Như vậy có thể chúng ta đang sống trong một đơn vũ trụ hữu hạn. Đơn vũ trụ này là một trong vô vàn các màng hay bong bóng của một đa vũ trụ vô hạn. Ai cũng có thể hài lòng, dù thích vũ trụ vô hạn hay hữu hạn. Giả thuyết này giúp loại bỏ Đấng sáng tạo tối cao (4).

Cho nên không hiểu được bản chất sự sống thì không hiểu được bản chất ý thức. Đời sống tinh thần ý thức của mỗi người là do họ tạo ra (tiến hóa) trong quá trình sống với/ trong xã hội, không phải của kiếp trước. Kiếp trước (thông tin) nếu có thì tồn tại, lưu giữ trong một phần của vô thức (hoặc do nhận thông tin kiếp trước, hay do gen nhiều thế hệ trước còn truyền lại, hoặc năng lực đọc được thông tin nào đó lưu trong vũ trụ khi có cùng kênh, cùng tần số, mã số, ngôn ngữ) (xem thêm: 5).

Bởi vì *Cái chết vật lý*: Phẩm chất đặc trưng của tâm thức ("linh hồn") là nhận biết (quan sát, chứng kiến). Nó là một phần của tâm thức vũ trụ - lớp năng lượng thuần khiết nhất mà các nhà tâm linh coi là tồn tại vĩnh hằng. Minh triết của những người đã trở thành vị Phật cho biết rằng: *thể xác và hệ thống các cơ thể năng lượng của một cá nhân có thể bị phá hủy hoàn toàn, nhưng phẩm chất nhận biết hoặc tâm thức tương ứng thì vẫn tồn tại*. Đó là điều vô cùng khó tin đối với người thường.

Khi cơ thể vật lý của con người bị phá hủy hoặc cắt rời khỏi hệ thống các cơ thể năng lượng thì cái chết vật lý xảy ra. Nhờ một vài trải nghiệm cần thiết cùng với sự hiểu biết sâu sắc về tâm linh, tâm thức con người có thể quan sát cái chết tự nhiên của mình một cách bình thản và phúc lạc, vì đó chỉ là quá trình chuyển đổi chiều thực tại từ vũ trụ vật lý ít sáng tỏ qua một chiều phi vật lý linh hoạt hơn. Bởi vậy, thái độ hoảng sợ trước cái chết vật lý được coi là một trong những ảo tưởng vĩ đại nhất của con người từ xưa đến nay (xem thêm: 2).

Giải thích như vậy là phù hợp với thực tiễn khoa học hiện đại về các hiện tượng dị thường mà rất duy vật, biện chứng và nhân văn. Phải chăng là như vậy. Có cách lý giải nào khác chăng? Nghiên cứu và giảng dạy triết học ngày nay không nên rụt rè, lẩn tránh, kính nhi viển chi mà cần phải lý giải khi có thể. Muốn vậy, phải cập nhật thông tin mới và có nghiên cứu thật sự mới lý giải thuyết phục (tương đối, mở). Nếu không sẽ là bỏ trận địa trống cho tư tưởng, tâm lý mang tính duy tâm/và mê tín, bất lực và hoang mang,...

Loại vấn đề 2 liên quan tới tính phê phán và tính kế thừa, tính sáng tạo của triết học Marx và tính đối thoại, gợi mở trong giảng dạy/nghiên cứu triết học hiện nay

Thách thức thứ ba: thời kỳ thông tin nhiều chiều, mở của mạng xã hội, triết học trong nghiên cứu và nhất là trong giảng dạy, thảo luận cần mang tính đối thoại ở mức tối đa nào, cần gia tăng ra sao, để cho hoạt động này không còn cứng nhắc, áp đặt, một chiều? Bảo vệ cái đúng và phê phán những người phê phán lại chủ nghĩa Marx - Lenin và triết học Marx một cách vô cớ như thế nào? Kế thừa thật sự các thành tựu triết học và văn hóa khác như thế nào? Thời đại dân chủ, bao dung thì tự do tư tưởng/tự do học thuật, cần chấp nhận bất đồng chính kiến hay không? Thảo luận đối thoại ra sao hay chỉ im lặng và chuyên chính tư tưởng?

Phải chăng trong nghiên cứu và giảng dạy triết học cần tăng cường tính phê phán (phản biện khoa học) đối với các triết thuyết khác để thúc đẩy, ứng hộ cái mới, cái sáng tạo, cái nhân văn. Trong hoạt động nghiên cứu và giảng dạy phải thể hiện rõ kế thừa các triết

học khác, các thành tựu khoa học và triết học hiện đại, thoát ly mặc cảm tư sản (như tính hữu dụng của triết học thực dụng, tính người, tính nhân văn trong triết học nhân bản, hiện sinh, Phật giáo...; hay thành tựu mới về khoa học năng lượng - thông tin, nhân diện, sự sống, thuyết tất định, phương pháp bổ sung/dùng thông, phương pháp hệ thống phức hợp,...).

Xa rồi, quay lưng lại với các thành tựu ấy thì triết học Marx có nhiều mặt rất dễ bị lạc hậu, bất lực với cuộc sống.

Thách thức thứ tư: sử dụng phương pháp luận biện chứng có tính phê phán và cách mạng, khoa học và nhân văn nhằm phê bình, phê phán xã hội hiện tồn để tiếp tục cải cách đổi mới ra sao trong tương quan với nói và làm theo Nghị quyết? Có lẽ nào lại tiếp tục biến triết học biện chứng thành thuyết minh chính trị, bỏ mất tinh thần phê phán và cách mạng của nó, khi đất nước đang cần đổi mới lần hai, đổi mới toàn diện và theo chiều sâu? Làm sao để giảng dạy triết học không trở thành giảng dạy chính trị, làm cho cả triết học và chính trị mất tính khoa học, tính phản biện?

Chúng tôi nghĩ rằng, nói Nghị quyết ở đây thì nên hiểu là tinh thần Nghị quyết và cần phân biệt chính trị đúng với chính trị sai, không còn hợp lý. Hơn nữa cần tiếp cận ở góc độ phương pháp luận triết học và thực tiễn là tiêu chuẩn chân lý, tiêu chuẩn giá trị.

Chẳng hạn, lịch sử xã hội là nhân tạo so với thiên tạo. Nhưng lịch sử tiến lên của xã hội phải mang tính lịch sử - tự nhiên, mà CNXH là sản phẩm của quá trình ấy chứ không phải là sản phẩm nhân tạo (ảo tưởng, sai lầm, trái quy luật), khuôn theo một lý tưởng nào

đó. Mặc dù K. Marx đã cảnh báo, nhưng lịch sử phong trào XHCN thế kỷ XX vẫn vấp phải một cách nặng nề. Engels và Lenin cảnh báo nhân loại còn tiến lên thì còn sai lầm, nhưng phải nhận ra và sửa sai lầm. Mô hình “CNXH” - tập trung bao cấp trong thế kỷ XX đến hơn nửa thế kỷ, đến mức khủng hoảng và sụp đổ mới nhận ra sai lầm nhân tạo. Khi ta lý giải, nhất là lý giải cái sai thường thiên về duy lý, bỏ qua cái ngoài duy lý, nặng về do năng lực hiểu biết, do trình độ tri thức, phương pháp luận,... mà ít thấy nguồn gốc từ thói quen, kinh nghiệm, từ vô thức, từ tình cảm, từ lợi ích, từ bệnh ích kỷ, tự cao,... của cá nhân, hoặc cộng đồng (tập thể). Rõ ràng phong trào XHCN thế kỷ XX bị ảnh hưởng khá nặng nề bởi tư tưởng, nhận thức mang tính tâm lý tiểu tư sản, tiểu nông và phong kiến gia trưởng trong các thể chế cán bộ công sản... nhưng lại chỉ phòng, chống nhằm vào tư tưởng tư sản, chế độ TBCN, đế quốc một cách cực đoan (nhất là về chế độ tư hữu, kinh tế thị trường, dân chủ tư sản, tam quyền phân lập...).

Dần dần chúng ta mới nhận ra hệ lụy của việc đó là *lỡ cơ hội và cái giá rất đắt*, phải chăng vì chúng ta chưa qua CNTB. Điều này đã được Lenin cảnh báo. Mới đây, về mặt lý thuyết chúng ta mới chấp nhận kiểm soát quyền lực trong thể chế nhà nước pháp quyền XHCN đang xây dựng ở nước ta (Đại hội XI) cũng là một ví dụ.

Lĩnh vực chính trị, như đảng phái, nhà nước, xã hội dân sự, chúng ta vẫn cứ bị ám ảnh tư sản, cho nên các công nghệ chính trị tư sản nhiều cái là sản phẩm của nền văn minh, khá tiên tiến, nhưng không ít cái vẫn còn bị kính nhi

viễn chí với nhân danh đủ thứ. Tư duy hậu Hồ Chí Minh lại khác xa và ngược lại với Hồ Chí Minh trên khá nhiều vấn đề. Phải chăng vì thiếu cả tâm thiếu cả tầm.

Tức là không ít khi sai lầm cả về mặt phương pháp luận và mặt đạo đức. Việc giảng dạy/nghiên cứu triết học phải chỉ ra được các loại nguyên nhân ấy của các vấn đề nhận thức và thực tiễn thì công tác này mới trở nên có ý nghĩa.

Loại vấn đề 3 liên quan tới thực chất của triết học Marx và sự phát triển của triết học Marx

Từ loại vấn đề này ta thấy *thách thức thứ năm* là cần phát triển đào sâu vào lĩnh vực nào của triết học Marx - Lenin để phù hợp bản chất đặc trưng của nó cũng như sự phát triển của khoa học và thực tiễn? Phải chăng triết học Marx- Lenin là lỗi thời, như có người quan niệm? Triết học Marx không chỉ duy vật, biện chứng mà cái chính là nội dung và tính thực tiễn, không chỉ có tính khoa học mà còn có tính nhân văn cao. Cho nên, đó là triết học thực tiễn, duy vật thực tiễn. Từ đó nguyên lý thực tiễn không chỉ làm rõ ở phần nhận thức luận mà trước hết là ở phần bản thể luận, gắn liền và sau phạm trù thế giới vật chất^(*). Điều đó còn có nghĩa là lấp một chỗ trống về nguyên lý hoạt động thực tiễn của con người sao cho có hiệu quả, xét về mặt nguyên lý triết học? Hơn nữa nhận thức hoạt động không chỉ là vấn đề nhận thức chân lý mà còn là vấn đề giá trị. Hay vấn đề con người, tha hóa nhân cách và phát triển con người, giải phóng con người phải được nghiên cứu/giảng dạy, lý giải toàn diện,

hiều chiều kích và sâu hơn, chứ không đơn điệu như hiện nay.

Rồi vấn đề nhận thức luận, cũng không nên chỉ dừng lại ở việc trình bày thiên về duy lý mà ít chú ý yếu tố ngoài duy lý (mà nhận thức luận Phật giáo hoặc phân tâm học,... rất chú ý). Bởi vì như vậy sẽ khó cắt nghĩa được tính phức tạp của nhận thức và hành động, như đã nói ở trên.

Hoặc về quan niệm và lý giải nguyên lý cũng cần xem xét lại và bổ sung như thế nào cho thích hợp.

Có người cho rằng phải từ bỏ triết học nhất nguyên chuyển sang triết học đa nguyên?^(*). Đây, trước hết là cách tiếp cận, cách hiểu, nhưng có ý nghĩa lý luận triết học. Phải chăng xét tới cùng bản chất, nguồn gốc thì vũ trụ là nhất nguyên (nhất nguyên duy vật là triết lý vạn vật đồng nhất thể), nhưng xét về mặt/ tầng hai/ ba - phương thức thể hiện thì nó đa nguyên (sự vật, hiện tượng cấu thành từ các mặt thống nhất - đối lập, tính đa dạng của chúng,...). Chúng ta khi nói về nhất nguyên (về bản chất/nguồn gốc) của sự vật thì hình như lại phủ nhận đa nguyên về mặt phương thức tồn tại này của chúng, cộng với “nỗi sợ đa nguyên chính trị”, nên hoặc lẩn tránh hoặc gượng ép trong lý giải.

Thực tiễn đòi hỏi lý luận, mà lý luận không điều chỉnh, cũng không phát triển, tức bất lực, né tránh hay chậm trễ thì thực tiễn trở nên mù quáng và bất lực, trì trệ hoặc lệch hướng.

Hoặc khi lý giải về sự sụp đổ mô hình CNXH, chúng ta thường nói, nó

^(*) Xem thêm: Giáo trình *Những nguyên lý triết học Marx* của Trung Quốc, Nxb. Chính trị quốc gia đã xuất bản ở Việt Nam.

^(*) Tác giả Nguyễn Huy Canh qua một số bài viết đăng trên mạng xã hội hoặc gửi riêng cho chúng tôi.

không phải là tất yếu. Thì chúng ta lại chạy sang cực ngẫu nhiên luận. Thực ra, mô hình CNXH kiểu cũ bị thay thế là tất yếu. Nhưng sự sụp đổ chế độ kiểu Liên Xô và Đông Âu cũ, hay cải cách, đổi mới như Việt Nam và Trung Quốc, xét trong hoàn cảnh mỗi nước, như đã diễn ra là tất nhiên/tất yếu theo các khả năng, điều kiện khách quan/chủ quan có thể. Làm gì có cái tất yếu hay ngẫu nhiên thuần túy. Thế nhưng hiện nay cũng có chiều hướng trong một số nhà khoa học tự nhiên lại phủ nhận cái ngẫu nhiên.

Như vậy, cả giáo trình triết học cũng phải đổi mới, cải cách, cấu trúc lại cả về mặt nguyên lý và cách lý giải là rất cần thiết.

Nhưng không chỉ thế. Bên cạnh triết học cơ bản đại cương, cần có các triết học cụ thể, chuyên ngành hóa (triết học vật lý, triết học kinh tế, triết học chính trị, triết học giáo dục, triết học nhân văn, triết học phát triển... (xem thêm: 6, 7)) như xu thế phân ngành triết của thế giới làm cho triết học trở nên đa dạng, sát thực và hữu ích hơn.

Loại vấn đề 4 liên quan tới hiệu quả giảng dạy, nghiên cứu triết học

Thách thức thứ sáu là, phải chăng triết học là chung chung không cần thiết. Thách thức này đặt ra nhiệm vụ nghiên cứu - giảng dạy làm sao để triết học thật sự trở thành phương pháp suy nghĩ và hành động có hiệu quả?

Không chỉ phải đổi mới nội dung và cách lý giải triết học thực tiễn của Marx trên nền tư duy biện chứng thống nhất phê phán - kế thừa - bổ sung - phát triển làm một (chứ không phải

phê phán - vứt bỏ). Những nội dung cần bổ sung và cấu trúc lại như ví dụ đã nêu trên.

Nhưng cải cách về phương pháp giảng dạy, tự học, và phương pháp đánh giá là cực kỳ quan trọng. Tăng *yếu tố đối thoại*, nêu vấn đề, tự do tư tưởng, đặt người học vào vị trí chủ thể, trung tâm cần có cơ chế, quy trình phù hợp.

Tăng cường kiểm tra đánh giá bằng vấn đáp, tiểu luận chuyên đề nhằm nâng cao năng lực tự học và rèn luyện phương pháp suy nghĩ, giải quyết vấn đề (giải quyết bài toán) thì thấm được phương pháp luận (chống thuộc lòng máy móc). Cần nhớ rằng cả Engels, Lenin và Hồ Chí Minh đều nhấn mạnh cái vĩnh hằng bất biến, còn lại trong chủ nghĩa/lý thuyết của Marx là phương pháp (phương pháp luận), tinh thần xử lý vấn đề. Thậm chí Engels và Lenin còn nói rằng, đó chỉ mới là bắt đầu của một hệ phương pháp mới trong nghiên cứu xã hội và giải quyết vấn đề lịch sử (mà chúng ta hay nhắc tới là nhấn mạnh phương pháp phân tích cụ thể tình hình cụ thể, dĩ bất biến ứng vạn biến, chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo,...).

Cho nên, cần phân biệt đâu là quy luật, nguyên lý cơ bản, đâu chỉ là phái sinh, và đâu là dự báo, mặc dù các công trình dự báo, mà dự báo là khó trúng, có thể sai hay không thích hợp khi thời thế thay đổi (không nên biến dự báo thành nguyên lý). Nhưng cũng cần phân biệt xu thế tất yếu với dự báo cụ thể các hình thức. Hiện nay có quan niệm rằng CNXH phi thị trường, phi tư hữu, phi pháp quyền (tức thực thi “chuyên chính vô sản”)... như mô hình thế kỷ XX là sai

trong dự báo của Marx. Cần hiểu và lý giải thế nào?

CNXH của Marx là CNXH hậu tư bản, khi đó mức độ thị trường hay còn hình thức tư hữu thế nào cần phải nghiên cứu. Còn trong thực tế CNXH kiểu Xô Viết, kiểu mao ít là CNXH công xã pha màu sắc phong kiến, tiểu tư sản (phương thức sản xuất châu Á), tức “CNXH” tiền tư bản. Hiện nay các mô hình CNXH đổi mới như Trung Quốc, hay Việt Nam thì về lý luận là mô hình dự báo có tính xu hướng. Về mặt thực tế thì trình độ kinh tế xã hội và công nghệ chính trị còn thua xa CNTB phát triển, nghĩa là mới ở mức CNTB trung bình thậm chí như ở Việt Nam còn thấp hơn nữa.

CNXH hiện thực còn mang tính thử nghiệm lịch sử. Có người còn cho rằng mang tính nhân tạo, nghĩa là chưa thật sự theo kiểu lịch sử - tự nhiên. Tuy nhiên, cần thấy rằng với thời kỳ Đổi mới, thì xã hội chúng ta đã và đang chuyển theo hướng tiến hóa kiểu lịch sử - tự nhiên hơn nhiều.

Không có phương pháp luận về CNXH hậu TBCN và bài học về CNXH tiền TBCN (CNXH, lúc đầu mới như một sự đối lập, đối sách thuần túy khác CNTB) thì đánh giá sai, đúng về CNXH khoa học - nhân văn của Marx là khó chính xác.

Trở lại vấn đề nội dung để nói rõ phương pháp luận và rèn phương pháp luận. Đó là chưa kể cần có thêm tư duy về phương pháp mới, hiện đại hơn như phương pháp hệ thống phức hợp (hợp trội - đột sinh), phương pháp bổ sung, phương pháp phi tất định,...

Cần hướng mạnh việc học trên cơ sở hiểu biết thực tế và nguyên lý phương pháp luận nên tiến đến phân tích nguyên nhân các sự kiện, biết được nguyên nhân sẽ biết được cách giải quyết. Vì vậy, rất cần logic biện chứng.

Tóm lại, cách đặt vấn đề trên đây mang tầm đổi mới triết học trong cả hoạt động nghiên cứu và giảng dạy có ý nghĩa lâu dài, vĩ mô, nhưng có vấn đề có thể làm ngay và mang tính vi mô cụ thể có thể vận dụng được. Để vượt qua các thách thức nói trên, then chốt là có nghiên cứu sâu, cập nhật thông tin và có bản lĩnh khoa học, bản lĩnh chính trị theo hướng dân chủ hóa, khoa học hóa và thực tiễn hóa trong hoạt động nghiên cứu và giảng dạy triết học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sự tương đồng giữa khoa học và nhân diện.
<http://www.nangluongcuocsong.com.vn>
2. Con người sống trong vũ trụ đa chiều.
<http://www.nangluongcuocsong.com.vn>
3. Lê Văn Tuấn. Lập thuyết vũ trụ cứu rỗi con người. Báo *Người Hà Nội*, tháng 2/2012.
4. Nguồn gốc và tiến hóa vũ trụ.
<http://www.nangluongcuocsong.com.vn>
5. Hồ Bá Thâm. Phương pháp luận duy vật nhân văn, nhận biết và ứng dụng. H.: Văn hóa - thông tin, 2005.
6. Hồ Bá Thâm. Tư tưởng Hồ Chí Minh và triết học phát triển. Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2007.
7. Hồ Bá Thâm. Đổi mới nghiên cứu và giáo dục khoa học xã hội, nhân văn. H.: Chính trị quốc gia, 2006.